TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2021
V/v "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phẩm

2. Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thúy H1 –** sinh năm 1994;

HKTT: Khu 7, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hiện ở: Khu D, xã B, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đào Xuân H –** sinh năm 1990;

HKTT: Khu 7, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hiện anh H đang lao động tại Nhật Bản.

(Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Xuân H đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND xã K trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết

hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi có con, hai vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Năm 2017, anh H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ đó, hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không được như trước. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đào Lê Mai C, sinh ngày 18/8/2015. Hiện cháu đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H1 không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Chị đề nghị Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của anh H tại Nhật Bản qua mẹ đẻ của anh Đào Xuân H là bà Nguyễn Thị Minh T, địa chỉ: Khu 7, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 22/10/2020 và 19/11/2020, bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Đào Xuân H và là mẹ chồng của chị Lê Thị Thúy H1. Anh H và Chị H1 kết hôn năm 2014 tại UBND xã K. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Đào Lê Mai C, sinh năm 2015. Anh H và Chị H1 không có tài sản chung, nợ chung hay công sức đóng góp gì. Anh H hiện đang ở Nhật Bản và vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà chỉ biết anh H đang sống và làm việc tại Nhật Bản, không biết địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh H và thông báo cho anh nội dung của các văn bản. Anh H không có ý kiến gì, do công việc và tình hình dịch bệnh Covid-19 nên anh không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn với Chị H1 được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc ly hôn là việc riêng của anh chị, bà không có ý kiến gì, chỉ đề nghị Chị H1 cho bà đón cháu C về nhà bà chơi ít nhất mỗi tháng một lần.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa án cho chị Lê Thị Thúy H1 ly hôn anh Đào Xuân H. Về con chung: giao cháu Đào Lê Mai C, sinh ngày 18/8/2015 cho chị Lê Thị Thúy H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho

đến khi cháu C thành niên, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H1 không yêu cầu. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết do Chị H1 xác định không có. Về án phí: chị Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị Thúy H1 có đơn xin ly hôn anh Đào Xuân H, chị cung cấp thông tin anh H hiện đang sống tại Nhật Bản. Theo Công văn số 18755/QLXNC-P5 ngày 21/10/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Đào Xuân H, sinh ngày 14/9/1990, đã xuất cảnh ngày 10/4/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Đào Xuân H hiện đang sống tại Nhật Bản nhưng Chị H1 không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành xác minh qua mẹ đẻ của anh H là bà Nguyễn Thị Minh T. Bà T xác nhận anh H đang ở Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà T không biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thúy H1 và anh Đào Xuân H đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của Chị H1 thì sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi có con thì hai vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Cả lời khai của Chị H1 và lời khai của bà T đều xác định từ khi anh H đi Nhật Bản năm 2017 đến nay, vợ chồng ở xa không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn càng thêm trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Chị H1 và anh H đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Chị H1 xin ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác nhận chị Lê Thị Thúy H1 và anh Đào Xuân H có 01 con chung là cháu Đào Lê Mai C, sinh ngày 18/8/2015, hiện đang sống cùng chị Hiền. Khi ly hôn Chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C cho đến khi cháu thành niên và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy anh Đào Xuân H hiện đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C nên nguyện vọng của Chị H1 là phù hợp, cần được chấp nhận. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H1 do Chị H1 không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên do hiện nay anh H không có mặt ở địa phương để có quan điểm về việc này nên Tòa án chưa xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp: Chị H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cần được xác nhận.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 4 Điều 207, Điều 227, 228, 238, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy H1 được ly hôn anh Đào Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Lê Mai C, sinh ngày 18/08/2015 cho chị Lê Thị Thúy H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên, lao động tự túc được. Anh Đào Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị Thúy H1 không yêu cầu.

Anh Đào Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án chưa xem xét giải quyết.

Về công sức đóng góp: Xác nhận chị Lê Thị Thúy H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thúy H1 phải chịu 300.000đ *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H1 đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004261 ngày 07/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Thúy H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Đào Xuân H có quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã K;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương